

Số: 2284 /TTr-UBND

Bến Tre, ngày 26 tháng 5 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc quy định mức giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh Bến Tre

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Công văn số 1829/UBND-KGVX ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh trực thuộc Sở Y tế là đơn vị có chức năng chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, chuyên môn, kỹ thuật về phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh. Để thống nhất với các quy định, hướng dẫn của Thông tư số 35/2014/TT-BYT ngày 13 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế về việc quy định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế và Thông tư số 38/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế và Bộ Tài chính về việc ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. Vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết quy định mức giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh Bến Tre là cần thiết..

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Sở Y tế đã tiến hành xây dựng dự thảo Nghị quyết và đã tổ chức lấy ý kiến góp ý của các Sở liên quan theo đúng trình tự thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Kết quả có 7/11 Sở tham gia góp ý. Trong đó có 05 ý kiến thống nhất với dự thảo, 02 ý kiến góp ý khác. Các ý kiến góp ý khác đã thực hiện giải trình, tiếp thu trong Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý (gửi kèm theo Bảng tổng hợp ý kiến góp ý của các Sở). Sở Y tế tổng hợp ý kiến đóng góp gửi Sở Tư pháp thẩm định, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp. Sở Y tế hoàn chỉnh các bước xây dựng văn bản pháp luật.

Sau khi nhận được Tờ trình số 1343/TTr-SYT ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Sở Y tế về việc quy định mức giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Sở Tài chính đã phối hợp cùng với các cơ quan có liên quan (Sở Tư pháp, Sở Y tế, Trung tâm Phòng chống

HIV/AIDS) để thống nhất mức giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh Bến Tre tại Biên bản ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Sở Tài chính.

Sở Tài chính đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh Bến Tre trình thông qua thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sau cuộc họp Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục:

Dự thảo Nghị quyết gồm có 4 điều.

2. Nội dung cơ bản

Quy định mức giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh.

(Gửi kèm dự thảo Nghị quyết)

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết về quy định mức giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- CT, các PCT-UBND tỉnh;
- Chánh, Phó CVP (NC);
- Ng/c: KGVX;
- Lưu: VT,k.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Duy Hải

Số:...../2017/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày tháng năm 2017

Dự Thảo

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh Bến Tre

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA....., KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 38/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của liên bộ Bộ Y tế và Bộ Tài chính ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

Xét Tờ trình số 228/TTr-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại cơ sở điều trị của Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, cung ứng và sử dụng dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại cơ sở điều trị của Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Mức giá cụ thể của các dịch vụ

Mức giá 07 dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại các cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế của Nhà nước trên địa bàn tỉnh, như sau:

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá cụ thể	Ghi chú
I. Khám (không bao gồm xét nghiệm và thuốc)				
01	Khám ban đầu	đồng/lần khám/người	23.000	Tối đa không quá 01 lần/người/quá trình điều trị
02	Khám khởi liệu điều trị	đồng/lần khám/người	13.000	Tối đa không quá 01 lần/người/quá trình điều trị
03	Khám định kỳ	đồng/lần khám/người	10.000	01 lần/01 tháng hoặc khám theo yêu cầu
II. Cấp phát thuốc (không bao gồm thuốc)				
01	Tại cơ sở điều trị thay thế	đồng/lần /người/ngày	7.500	
02	Tại cơ sở cấp phát thuốc điều trị thay thế	đồng/lần /người/ngày	10.000	
III. Tư vấn (không bao gồm thuốc và xét nghiệm)				
01	Tư vấn cá nhân	đồng/lần/người	5.000	Năm đầu điều trị (không quá 14 lần/năm) Từ năm điều trị thứ hai (không quá 04 lần/năm) Tư vấn khác theo yêu cầu của bệnh nhân
02	Tư vấn nhóm	đồng/lần/người	3.000	Năm đầu điều trị (không quá 6 lần/năm) Từ năm điều trị thứ hai (không quá 4 lần/năm)

Điều 3. Quản lý, sử dụng nguồn thu

Khoản thu từ dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được để lại toàn bộ cho đơn vị sử dụng.

Việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày tháng năm 2017 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2017./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Chính phủ;
- Bộ Y tế, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT tỉnh ủy, TT HĐND, UB MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Đồng khởi;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TTHU; Thành ủy, HĐND-UBND huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin điện tử;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Số: 565 /BC-STP

Bến Tre, ngày 01 tháng 5 năm 2017

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh Bến Tre

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1295/TTr-SYT ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Sở Y tế chuyển đến yêu cầu thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh Bến Tre (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị quyết). Qua nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh.

Thông nhất với cơ quan soạn thảo về đối tượng và phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết.

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản

Tại Khoản 4 Điều 88 Luật khám chữa bệnh quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp*”.

Theo Khoản 4 Điều 8 Luật giá quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá tại địa phương theo quy định của pháp luật*”.

Tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP¹ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP² quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật đối với: Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước (trừ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế) và gửi quyết định giá về Bộ Y tế, Bộ Tài chính để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước*”.

Từ những căn cứ trên, Sở Tư pháp thống nhất với cơ quan soạn thảo về thẩm quyền ban hành mức giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng

¹ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.

² Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.

thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh Bến Tre thuộc về Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày văn bản

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ nội dung: “Quy định mức giá như sau:” ở đoạn thứ nhất Điều 1 dự thảo Nghị quyết vì nội dung này đã được quy định tại Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết.

b) Tại Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh tên gọi thành: Đối tượng áp dụng.

c) Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ: “Đơn vị tính: đồng” ở đầu Bảng quy định mức giá cụ thể của các dịch vụ vì tại cột thứ 3 của Bảng giá đã quy định nội dung này.

d) Mục Nơi nhận, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ các cơ quan: Chính phủ, Văn phòng Quốc Hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Cục Phòng chống HIV/AIDS – Bộ Y tế; đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cơ quan: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đồng Khởi.

đ) Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP³ để điều chỉnh thể thức của Nghị quyết cho phù hợp (điều chỉnh canh lề, đánh số từ trang thứ 2 trở đi ở giữa lề trên,..).

e) Một số góp ý chúng tôi đã chỉnh sửa trực tiếp trên dự thảo kèm theo.

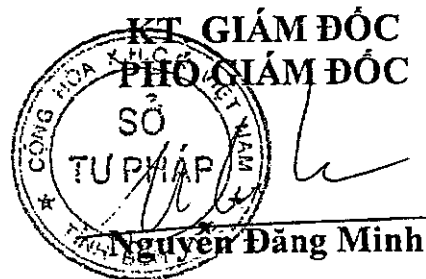
3. Kết luận của Sở Tư pháp

Dự thảo Nghị quyết về cơ bản đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua; tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản mà chúng tôi đã thẩm định để hoàn chỉnh Nghị quyết.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, kính chuyển Sở Y tế nghiên cứu./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Lưu: VT, XDVB(H).



³ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2192 /UBND-TH
V/v trích Biên bản họp
Thành viên UBND tỉnh
tháng 5/2017 (lần 2)

Bến Tre, ngày 23 tháng 5 năm 2017

Kính gửi: Sở Tài chính.

Vào ngày 20 tháng 5 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức họp Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh lệ kỳ tháng 5/2017 (lần 2) tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, do ông Cao Văn Trọng - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì. Ủy ban nhân dân tỉnh trích Biên bản các nội dung do Sở Tài chính trình tại cuộc họp, cụ thể như sau:

1. Tờ trình thông qua dự thảo Nghị quyết quy định mức giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh

Qua thảo luận, UBND tỉnh thống nhất thông qua nội dung dự thảo “*Nghị quyết quy định mức giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh*” theo đề xuất của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1764/TTr-STC ngày 11/5/2017. Tuy nhiên, đề nghị Sở Tài chính tiếp thu ý kiến của đại biểu, bổ sung cụm từ “đại biểu Hội đồng nhân dân” vào Khoản 2, Điều 4 dự thảo Nghị quyết. Đề nghị Sở Tài chính hoàn chỉnh hồ sơ, trình UBND tỉnh chậm nhất là ngày 25/5/2017 để ký văn bản và gửi hồ sơ trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua tại kỳ họp giữa năm 2017.

2. Tờ trình thông qua dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Bến Tre

Qua thảo luận, UBND tỉnh thống nhất thông qua nội dung dự thảo “*Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Bến Tre*” theo đề xuất của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1895/TTr-STC ngày 19/5/2017. Đề nghị Sở Tài chính hoàn chỉnh hồ sơ, trình UBND tỉnh chậm nhất là ngày 25/5/2017 để ký văn bản và gửi hồ sơ trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua tại kỳ họp giữa năm 2017.

Trên đây là phần trích Biên bản nội dung do Sở Tài chính trình tại cuộc họp, Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh lệ kỳ tháng 5/2017 (lần 2), Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Sở Tài chính triển khai thực hiện đúng nội dung Công văn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng: TH, KGVX, TCĐT;
- Lưu: VT.

TL. CHỦ TỊCH
QUẢN LÝ VĂN PHÒNG



[Handwritten signature]

Đỗ Văn Sáu

**BỘ Y TẾ - BỘ TÀI
CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38/2014/TTLT-BYT-
BTC

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2014

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**BAN HÀNH MỨC TỐI ĐA KHUNG GIÁ MỘT SỐ DỊCH VỤ ĐIỀU TRỊ
NGHIỆN CÁC CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN BẰNG THUỐC THAY THẾ**

Căn cứ Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

Căn cứ Nghị định số 96/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch quy định mức tối đa khung giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định mức tối đa khung giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại các cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế của Nhà nước (sau đây gọi tắt là cơ sở điều trị của Nhà nước); hướng dẫn thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh khác tại các cơ sở điều trị của Nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, cung ứng và sử dụng dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại cơ sở điều trị của Nhà nước.

Điều 2. Khung giá một số dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế và dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh khác tại cơ sở điều trị của Nhà nước

1. Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này mức tối đa khung giá của 07 dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trong các cơ sở điều trị của Nhà nước, bao gồm:

- a) Dịch vụ khám ban đầu;
- b) Dịch vụ khám khởi liều điều trị;
- c) Dịch vụ khám định kỳ;
- d) Dịch vụ cấp phát thuốc tại cơ sở điều trị thay thế;
- d) Dịch vụ cấp phát thuốc tại cơ sở cấp phát thuốc điều trị thay thế;
- e) Dịch vụ tư vấn cá nhân;
- g) Dịch vụ tư vấn nhóm.

2. Mức tối đa khung giá của 07 dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm các yếu tố chi phí theo quy định tại Thông tư số 35/2014/TT-BYT ngày 13 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

Khi quy định mức giá cụ thể tại các cơ sở điều trị không được tính các khoản chi phí đã được ngân sách nhà nước đảm bảo.

3. Khung giá các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh khác ngoài 07 dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh chữa bệnh của Nhà nước.

Điều 3. Thẩm quyền quy định mức giá cụ thể của dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế và dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh khác tại cơ sở điều trị của Nhà nước

Thẩm quyền quy định mức giá cụ thể dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế và dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh khác tại cơ sở điều trị của Nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về thẩm quyền quy định mức giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước.

Điều 4. Quản lý, sử dụng nguồn thu từ dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế

1. Khoản thu từ dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế quy định tại Điều 2 Thông tư liên tịch này được để lại toàn bộ cho đơn vị sử dụng.

2. Việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

Điều 5. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong văn bản này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị, địa phương phản ánh bằng văn bản về liên Bộ để xem xét giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI
CHÍNH
THỨ TRƯỞNG**

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Hiếu

Nguyễn Thanh Long

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ; các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Công báo;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công TTĐT các Bộ: Y tế, Tài chính;
- Sở Y tế, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, Thanh tra, các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Tài chính;
- Lưu: Bộ Y tế (VT, AIDS, Vụ PC); Bộ Tài chính (VT, Cục QLГ).

**MỨC TỐI ĐA KHUNG GIÁ 07 DỊCH VỤ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN CÁC CHẤT
DẠNG THUỐC PHIỆN BẰNG THUỐC THAY THẾ**

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 38/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên Dịch vụ	Đơn vị tính	Mức tối đa khung giá	Ghi chú
I Khám (không bao gồm xét nghiệm và thuốc)				
01	Khám ban đầu	đồng/lần khám/người	48.000	Tối đa không quá 1 lần/người/quá trình điều trị
02	Khám khởi liệu điều trị	đồng/lần khám/người	25.000	Tối đa không quá 1 lần/người /quá trình điều trị
03	Khám định kỳ	đồng/lần khám/người	20.000	01 lần/01 tháng hoặc khám theo yêu cầu
II Cấp phát thuốc (không bao gồm thuốc)				
04	Tại cơ sở điều trị thay thế	đồng/lần/người/ngày	10.000	
05	Tại cơ sở cấp phát thuốc điều trị thay thế	đồng/lần/người/ngày	10.000	
III Tư vấn (không bao gồm thuốc và xét nghiệm)				
06	Tư vấn cá nhân	đồng/lần/người/	10.000	Năm đầu điều trị (Không quá 14 lần/năm). Từ năm điều trị thứ hai (Không quá 4 lần/năm) Tư vấn khác theo yêu cầu của bệnh nhân
07	Tư vấn nhóm	đồng/lần/người/	5.000	Năm đầu điều trị (Không quá 6 lần/năm) Từ năm điều trị thứ hai (Không quá 4 lần/năm)